

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 551/2022/HS-PT
Ngày: 16/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Văn Trục.
2. Ông Trương Công Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 464/2022/HSPT ngày 07/11/2022 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6058/2022/QĐXXPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 400/2022/HS-ST ngày 27/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1986, tại tỉnh Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: 91 ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Con ông: **Nguyễn Văn N** và bà **Đỗ Thị Đ** (đã chết); Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 26/10/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 106/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/4/2019. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm Thi hành án dân sự Quận 5 không thụ lý bản án nêu trên.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 30/06/2022, có mặt.

Bị hại:

Hà Trịnh Minh T1, sinh ngày 21/9/2006; trú tại địa chỉ B P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Trịnh Ngọc L, sinh năm 1980; trú tại địa chỉ B P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 28/06/2022, Nguyễn Hữu T từ Quận F đi bộ ra bắt Grab của người đàn ông không rõ lai lịch để đến trường N1, phường A, thành phố T để tìm bạn lấy tiền công trình. Đến 00 giờ ngày 29/6/2022, khi tài xế G trở T đi đến trạm xe buýt tuyến Xa lộ H thuộc Khu phố E, phường A, thành phố T thì T phát hiện xe mô tô hiệu AirBale, màu bạc đen, biển số 59X3-345.74 của Hà Trịnh Minh T1 dựng trên lề đường, tại trạm xe buýt nhưng không có người trông coi. T bảo với tài xế G1 dừng xe lại và nói “Có xe không người, em có tiền em chia cho anh mấy trăm”, sau đó T đi bộ đến xe mô tô trên thì thấy xe không có chìa khóa, không khóa cổ, còn T1 lúc này đang quay lưng lại đi vệ sinh tại sát bờ sông nên T liền lấy chiếc xe mô tô trên, rồi dẫn xuống đường đẩy bộ đến chỗ tài xế G1. Khi đến chỗ tài xế G, T leo lên xe vừa lấy trộm và nhờ tài xế G dùng chân đẩy đi. Khi T và tài xế G đẩy chiếc xe mô tô đến gần ngã tư đường T và đường L thì bị Công an phường A, thành phố T tuần tra, phát hiện nên đưa T cùng với tang vật về trụ sở làm việc, còn tài xế G1 thì bỏ chạy thoát.

Kết luận giám định số 149/KV1/KLGD -HĐĐGTS ngày 02/08/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu AirBale, màu bạc đen, số máy: JF63E2264345, số khung: 6313HZ044303, biển số 59X3-345.74, có giá trị là 26.000.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu AirBale, màu bạc đen, số máy: JF63E2264345, số khung: 6313HZ044303, biển số 59X3-345.74, qua xác minh đứng tên chủ sở hữu là Trịnh

Ngọc L, sinh năm 1980 (mẹ ruột của Hà Trịnh Minh T1). Ngày 28/6/2022, chị L để xe ở nhà và đi làm, T1 đã tự ý lấy xe mà không xin phép.

- 01 điện thoại di động hiệu Remidi màu xanh đen thu giữ của T.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/06/2022, chị Trịnh Ngọc L đã nhận lại 01 xe mô tô hiệu hiệu AirBale, màu bạc đen, số máy: JF63E2264345, số khung: 6313HZ044303, biển số 59X3-345.74 và bà không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 400/2022/HS-ST ngày 27/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm i, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/06/2022.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý nghĩa vụ chịu tiền án phí, về quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

Ngày 04/10/2022 bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

-Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

-Về nội dung: Tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị 26.000.000 đồng, do đó cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội và không oan sai. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của vụ án do bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không có sai sót nên giữ nguyên.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 00 giờ ngày 29/6/2022, bị cáo **Nguyễn Hữu T** đã có hành vi lên lút lấy chiếc xe mô tô hiệu AirBale biển số 59X3-345.74 của **Hà Trịnh Minh T1** đang dựng tại lề đường, trước trạm xe buýt tuyến **X Hà Nội, thuộc Khu phố E, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố T** thì chiếc xe ma bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 26.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và kết tội bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng tội.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng luật. Cấp sơ thẩm nhận định bị hại trong vụ án là người chưa thành niên và áp dụng điểm tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”, qui định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không có căn cứ, bởi lẽ theo Luật giao thông đường bộ thì người dưới 16 tuổi chưa được phép điều khiển xe mô tô và lúc thực hiện hành vi trộm cắp thì bị cáo không xác định được người quản lý, sử dụng chiếc xe trên là ai.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tuy cấp sơ thẩm áp dụng bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” là không đúng. Song mức án 2 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, với đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Nhận định trên cũng là lập luận để chấp nhận toàn bộ quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát.

[6] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 400/2022/HS-ST ngày 27/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** 02 (Hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/06/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự phúc thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Dương sự; (2)
- Chi Cục THA thành phố Thủ Đức; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (2)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

